

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các công ty có hồ sơ năng lực về lĩnh vực quan trắc môi trường.

Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ có nhu cầu đo đạc lấy mẫu, phân tích các thông số về nước thải y tế, không khí xung quanh, không khí lò đốt và viết báo cáo kết quả quan trắc theo các tiêu chí phân tích năm 2024. Nội dung thực hiện theo quy định các văn bản pháp luật về môi trường có danh mục kèm theo.

Các đơn vị có khả năng cung ứng theo nội dung trên xin báo giá theo đúng yêu cầu của Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ. Phiếu báo giá bỏ vào phong bì dán kín gửi về phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ, ngoài phong bì đề **"Báo giá quan trắc môi trường năm 2024"**.

Thời hạn tiếp nhận báo giá trước: 10 giờ 00 phút ngày 05/8/2024;

Địa chỉ tiếp nhận: Báo giá gửi bản scan về địa chỉ email: trungtamytedakpomuasam20242030@gmail.com đồng thời văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về địa chỉ tiếp nhận: Phòng Tổ chức-Hành chính – Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ, địa chỉ đơn vị: 100 Võ Nguyên Giáp, tổ dân phố 2, thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, Điện thoại: 0269.3738.686 gặp Mr Thủy/Ms. Thương.

Trung tâm Y tế huyện Đak Pơ rất mong nhận được phản hồi thông tin từ các đơn vị cung cấp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Ngọc Hải

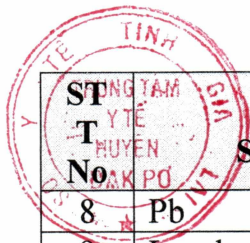


Phụ lục

DANH MỤC CÔNG VIỆC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Thư mời chào giá số: 30/TM-TTYT ngày 30/7/2024 của Trung tâm Y tế huyện Đắk Pô)

ST T No	Chỉ tiêu Specifications	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price (VNĐ)	Thành tiền Total (VNĐ)	Ghi chú Note
I. Nội dung thực hiện					
1. Mẫu nước thải y tế (1 mẫu x 1 đợt/năm)					
1	pH	1			TT 240/2016/TT -BTC
2	BOD ₅	1			
3	COD	1			
4	TSS	1			
5	Sunfua	1			
6	Amoni	1			
7	Nitrat	1			
8	Phosphat	1			
9	Dầu mỡ động, thực vật	1			
10	Salmonella	1			
11	Shigella	1			
12	Vibrio Cholerae	1			
13	Tổng Coliform	1			
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	1			
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	1			
16	Lưu lượng	1			Theo thực tế
2. Mẫu không khí xung quanh (1 mẫu x 1 đợt/năm)					
1	Nhiệt độ	1			Theo thực tế
2	Độ ẩm	1			
3	Áp suất	1			
4	Tốc độ gió	1			
5	Độ ồn	1			
6	Bụi PM10	1			
7	NH ₃	1			
8	CO	1			
9	SO ₂	1			
10	NO ₂	1			
11	H ₂ S	1			
3. Mẫu không khí lò đốt CTR (1 mẫu x 1 đợt/năm)					
1	Bụi tổng	1			Theo thực tế
2	SO ₂	1			
3	NO _x	1			
4	CO	1			
5	HCl	1			
6	Hg	1			
7	Cd	1			



ST T No	Chỉ tiêu Specifications	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit price (VNĐ)	Thành tiền Total (VNĐ)	Ghi chú Note
8	Pb	1			
9	Lưu lượng	1			
Tổng I					
II. Chi phí khác					
1. Chi phí nhân công quan trắc lấy mẫu (3 công/ngày x 1 đợt/năm)		3			Theo thực tế
2. Chi phí vận chuyển và bảo quản mẫu (1 ngày/đợt x 1 đợt/năm)		1			Theo thực tế
3. Tổng hợp số liệu và viết báo cáo công tác BVMT năm 2024		1			Theo thực tế
Tổng I + II					
Thuế GTGT 8%					
Tổng cộng					